



Trung bình

## DAKAR EW EH SB

DAKAREWEH

**EH-rated, fashionable safety shoe with wide toecap and extraordinary technical features**

The Safety Jogger DAKAR-EW-EH safety shoes offer superior electric shock resistance, slip resistance, and breathable comfort, with a wide toecap. Ideal for diverse work environments and industries.

Những vật liệu cao cấp hơn	Dệt may, Da ngựa điên
lớp lót bên trong	Lưới thép
giường đỡ chân	để xỏp SJ
để giữa	Dệt chống thủng
để ngoài	BASF PU/BASF PU
Đứng đầu	NanoCarbon
Loại	SB / Tái bút, SR, SC, WPA, LG, e, CI, FO
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
trọng lượng thép	0.680 kg
tiêu chuẩn hóa	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



BRN

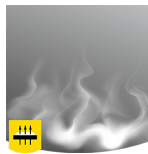


BLK



### Nguy hi#m v# dĩ#n (EH)

Giày an toàn có khả năng chống lại các mối nguy hiểm về điện (EH) có đế ngoài không dẫn điện. Là nguồn bảo vệ thứ cấp, chúng làm giảm nguy cơ bị điện giật trong điều kiện khô ráo.



### hàng đ#u thoáng khí

Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ để mang lại cảm giác thoải mái khi mặc lâu hơn.



### S3

Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường có độ ẩm cao và nơi có dầu hoặc hydrocarbon. Những đôi giày này cũng bảo vệ chống lại nguy cơ thủng đế và nghiền nát bàn chân.



### Mũi giày an toàn Nano carbon

Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, không chứa kim loại, không dẫn nhiệt, dẫn điện.

## Công nghiệp:

lĩnh vực ô tô, Xây dựng, Dầu khí, hậu cần, Ngành công nghiệp

## Môi trường:

môi trường khô, bề mặt không bằng phẳng, môi trường bùn

## Các đặc tính dẫn ba số:

Để kéo dài tuổi thọ cho đôi giày của bạn, chúng tôi khuyên bạn nên làm sạch chúng thường xuyên và bảo vệ chúng bằng các sản phẩm phù hợp. Không làm khô giày trên bộ tản nhiệt hoặc gần nguồn nhiệt.

S# miêu tả	Đơn vị đo lường	Kết quả	EN ISO 20345
<b>Nhúng vệt liêu cao</b> <b>Đệm may, Da ngoài</b>			
Top: khả năng thấm hơi nước	mg/cm/giờ	7.8	? 0.8
Top: hệ số hơi nước	mg/cm <sup>2</sup>	68	? 15
<b>Lớp lót bên trong</b> <b>Lớp thép</b>			
Lớp lót: thấm hơi nước	mg/cm/giờ	46.42	? 2
Lót: hệ số hơi nước	mg/cm <sup>2</sup>	372	? 20
<b>Chỉ số chống trượt</b> <b>Chỉ số SJ</b>			
Đệm chân: chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	chu kỳ	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	25600/12800
<b>Chỉ số ngoài</b> <b>BASF PU/BASF PU</b>			
Chống mài mòn đế ngoài (giảm thể tích)	mm	50	? 150
Chống trượt cơ bản - Ceramic + NaLS - Trượt gót về phía trước	ma sát	0.34	? 0.31
Chống trơn trượt cơ bản - Gốm + NaLS - Trượt lùi về phía trước	ma sát	0.38	? 0.36
Chống trơn trượt SR - Gốm + Glycerin - Trượt gót phía trước	ma sát	0.23	? 0.19
Chống trượt SR - Gốm + Glycerin - Trượt ngược về phía trước	ma sát	0.25	? 0.22
Giá trị chống tĩnh điện	megaohm	N/A	0.1 - 1000
Giá trị ESD	megaohm	N/A	0.1 - 100
Hấp thụ năng lượng của gót chân	J	36	? 20
<b>Chỉ số đũa</b> <b>NanoCarbon</b>			
Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 100J)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 200J)	mm	17.5	? 14
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 15kN)	mm	22.5	? 14

Kích thước thép: 42

Giày của chúng tôi không ngừng phát triển, dữ liệu kỹ thuật trên có thể thay đổi. Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sử dụng hoặc sao chép dưới bất kỳ định dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.